TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Gấm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long.
Bị đơn: Anh Võ Vũ L, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long.
Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Chị và chồng là anh Võ Vũ L do tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 01/11/2023. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, cùng nhau chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, từ tháng 6/2024, bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chính vì thế chị và anh L đã ly thân từ đó đến nay. Hiện tại, chị và anh L không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn. Về con chung: Giữa chị và anh L có 01 con chung là Võ Vũ

H, sinh ngày 13/02/2024 hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng và đầy đủ các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị T thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh L không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên anh L chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm T. Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Võ Vũ L. Giao con chung là Võ Vũ H, sinh ngày 13/02/2024 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Vũ L đã được tống đạt nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 01/11/2023. Chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân thời gian đầu rất hạnh phúc, vợ chồng cùng nhau chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Nhưng từ tháng 6/2024 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Hiện tại, chị T không còn tình cảm với anh L, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và không tìm được hạnh phúc gia đình. Từ đó, chị T xin ly hôn. Đối với anh L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh L. Qua đó chứng tỏ anh L cũng không mong muốn được hoà giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đồng thời, chị T đã khẳng định hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng,*

quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa chị T và anh L là vợ chồng nhưng lại xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc nhau. Hơn nữa, chị T còn khẳng định đã không còn tình cảm với anh L và không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tổ chức phiên hoà giải động viên chị T và anh L đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh L thì vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Giữa chị T và anh L có 01 con chung là Võ Vũ H, sinh ngày 13/02/2024, hiện tại đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Xét thấy, qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: hiện tại Võ Vũ H đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của con nên cần giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình qui định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Xét thấy, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu theo qui định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dung án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm T. Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Võ Vũ L.

Về con chung: Giao Võ Vũ H, sinh ngày 13/02/2024 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000201 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 7-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Lương Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Gẩm